






Đề thi học kì 1 Tiếng Anh lớp 2 năm 2021 - Đề số 1**I. Look and read. Put a (✓) or a (X). There is an example.**

0  This is my ball.



1.  This is my doll.



2.  This is my train.



3.  This is my kite.



4.  This is my teddy bear.



II. Look at the pictures. Look at the letters. Write the words. There is one example.

0.  g r a n d m a 

1.  _ _ _ _ _ 

2.  _ _ _ _ _ 

3.  _ _ _ _ _ 

4.  _ _ _ _ _ 

III. Order the words. There is one example.

0. She's / student. / a/

She's a student.

1. my / It's / ice cream. / brother's

2. isn't / a / She / teacher.

3. slide. / It's / the / under

4. your / teddy bear? / Where's

5. is / This / my / mom.

6. a / He's / farmer.

IV. Look at the pictures and read the questions. Write one-word answers.

There are two examples.

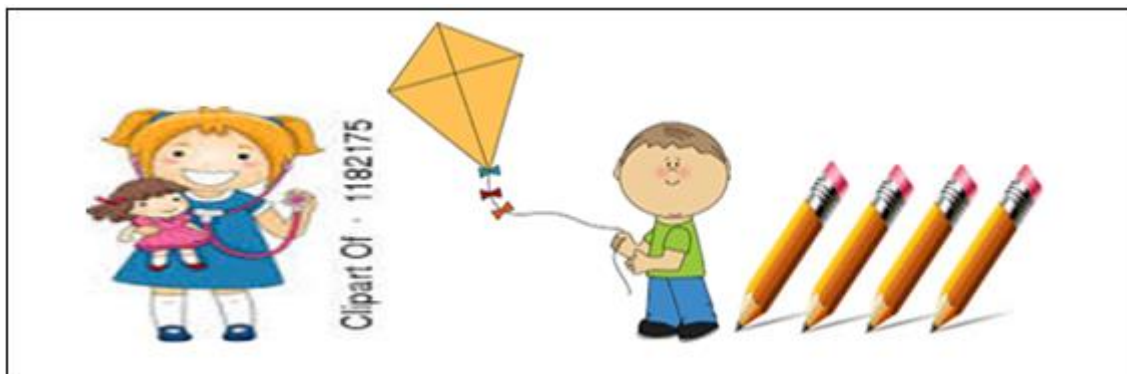


0. How many boys are there? two

0. Where is the girl? on the slide



1. Where are the children? in a _____
2. What is in the boy's hand? a _____
3. What is in the water? a _____



4. What is in the girl's hand ? a _____
5. What is the boy playing with? a _____
6. How many pencils are there? _____

Đáp án đề thi học kì 1 môn Tiếng Anh lớp 2 năm 2021 (Đề số 1)

I. Look and read. Put a (√) or a (X). There is an example.

1. √ 2. X 3. √ 4. X

II. Look at the pictures. Look at the letters. Write the words. There is one example.

1 - hand 2 - eyes 3 - doll 4 - car

III. Order the words. There is one example.

1 - It's my brother's ice-cream.

2 - She isn't a teacher.

3 - It's under the slide.

4 - Where's your teddy bear?

5 - This is my mom.

6 - He's a farmer.

IV. Look at the pictures and read the questions. Write one-word answers.

1 - pool 2 - ball 3 - duck

4 - doll 5 - kite 6 - four

Đề Tiếng Anh lớp 2 học kỳ 1 năm 2021 - Đề số 2**I. Chọn từ khác loại.**

1. A. chips B. chicken C. rain

2. A. mother B. dress C. father

3. A. ball B. bread C. chocolate

4. A. grapes B. read C. sing

II. Sắp xếp những từ dưới đây thành câu hoàn chỉnh.

1. this/ What/ is/?

2. is/ that/ What/?

3. is/ that/ a/ ruler/.

4. it/ Is/ pencil case/ a/ ?

5. Yes,/ is/ it/ ./

6. this/ Is/ an/ umbrella/ ?

7. / book/ Is/ it/ a?

8. Is/ this/ rubber/ a?

9. isn't/ No,/ it/ ./

III. Hoàn thành các từ sau

1.



b r own _ _ ead

2.



ha _ _

3.



__ ess

4.



c __

IV. Nói

1.



2.



3.



4.



5.



6.



chocolate

park

car park

chips

ball

book

read

clean

brother

train

V. Hoàn thành các câu sau

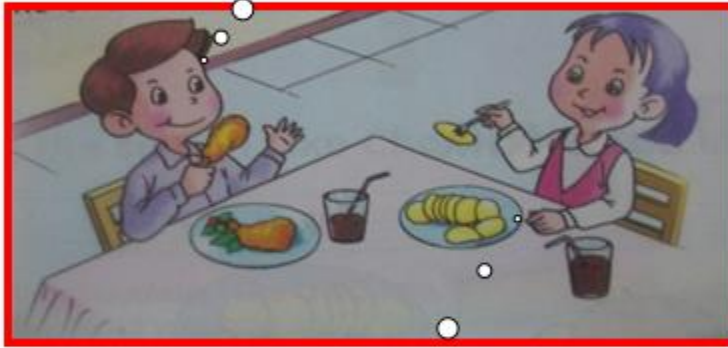
a. *Look!*

There is lots of



b.

I like



c.

I like

d.

Clean your, please.



e.

Wash your,



Đáp án đề thi học kì 1 lớp 2 Tiếng Anh 2021 (Đề số 2)

I. Chọn từ khác loại.

1. C 2. B 3. A 4. A

II. Sắp xếp những từ dưới đây thành câu hoàn chỉnh.

1. What is this?
2. What is that?
3. That is a ruler.
4. Is it a pencil case?
5. Yes, it is.
6. Is this an umbrella?
7. Is it a book?
8. Is this a rubber?
9. No, it isn't.

III. Hoàn thành các từ sau

1. brown bread 2. hall 3. dress 4. car

IV. Nói

1. ball 2. train 3. brother
4. chocolate 5. read 6. park

V. Hoàn thành các câu sau

- a. Look! There is lots of rain.
- b. I like chicken.
- c. I like chips.
- d. Clean your teeth, please.
- e. Wash your feet, please.